

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.003.499.623.833	2.563.546.927.483
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	164.123.566.666	181.020.914.065
1. Tiền	111		164.123.566.666	181.020.914.065
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		89.962.580.000	44.153.148.050
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	89.962.580.000	44.153.148.050
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.600.375.089.067	1.275.217.044.154
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.339.594.115.284	1.059.366.984.349
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	137.876.798.736	92.623.551.385
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	53.835.900.000	91.500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	76.269.967.472	31.531.576.775
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(8.838.917.157)	(9.426.548.464)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.637.224.734	9.621.480.108
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	1.052.294.392.500	1.003.049.411.676
1. Hàng tồn kho	141		1.054.071.614.317	1.004.647.501.427
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.777.221.817)	(1.598.089.751)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		96.743.995.599	60.106.409.538
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	13.716.658.170	15.187.430.015
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		81.544.206.764	40.759.875.896
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.19	1.325.915.913	4.159.103.627
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		157.214.752	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.073.566.247.729	965.976.419.739
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.785.756.401	892.832.545
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	4.581.158.634	1.688.234.778
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(795.402.233)	(795.402.233)
II. Tài sản cố định	220		677.428.016.372	562.942.963.071
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	617.191.773.108	531.494.783.717
<i>Nguyên giá</i>	222		1.015.948.866.167	883.718.245.238
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(398.757.093.058)	(352.223.461.521)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	43.349.473.749	15.506.716.488
<i>Nguyên giá</i>	225		50.166.101.021	17.656.015.397
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(6.816.627.272)	(2.149.298.909)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	16.886.769.515	15.941.462.866
<i>Nguyên giá</i>	228		25.581.382.786	23.576.679.275
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(8.694.613.271)	(7.635.216.409)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.13	-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		116.337.550.517	235.134.396.996
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	116.337.550.517	235.134.396.996
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		103.807.312.333	79.807.312.333
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	82.227.312.333	71.227.312.333
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	2.710.000.000	2.710.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		18.870.000.000	5.870.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		172.207.612.106	87.198.914.794
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	166.794.460.863	81.072.647.311
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.15	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.16	5.413.151.244	6.126.267.483
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.077.065.871.563	3.529.523.347.222

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.796.221.687.753	2.413.253.334.268
I. Nợ ngắn hạn	310		2.519.947.273.887	2.108.424.067.258
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	248.870.797.842	251.065.969.174
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	13.793.973.523	10.322.738.826
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	28.213.247.686	16.890.679.617
4. Phải trả người lao động	314		28.259.021.858	27.841.932.055
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	23.120.147.011	35.169.691.169
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3.116.372.731	2.898.190.911
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a	237.563.774.650	157.009.199.847
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a	1.922.212.555.984	1.593.321.796.562
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	14.797.382.602	13.903.869.097
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		276.274.413.866	304.829.267.010
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.21b	812.296.130	710.330.500
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b	275.462.117.736	304.118.936.510
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô.CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.280.844.183.810	1.116.270.012.954
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.25	1.280.844.183.810	1.116.270.012.954
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		870.881.810.000	853.873.370.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		870.881.810.000	853.873.370.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(47.906.902.648)	(47.771.902.648)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		35.159.000.000	35.159.000.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(4.186.322.972)	(4.186.322.972)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		1.961.568.000	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		36.311.096.102	27.222.553.561
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		277.034.318	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		206.210.775.689	199.168.744.159
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		102.400.857.165	96.060.291.908
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		103.809.918.524	103.108.452.251
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		182.136.125.321	52.804.570.854
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.077.065.871.563	3.529.523.347.222

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2020
Chức tích HĐQT

Lê Vinh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND
Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý IV/2019		Quý IV/2018		Năm 2019		Năm 2018	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.450.171.119.773	1.194.692.326.320	4.991.180.538.055	4.658.360.150.402			
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	65.552.663.507	54.618.776.376	195.939.664.813	172.437.159.196			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.384.618.456.266	1.140.073.549.944	4.795.240.873.242	4.485.922.991.206			
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.176.252.398.705	1.008.325.910.961	4.116.900.222.564	3.903.055.648.711			
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		208.366.057.562	131.747.638.983	678.340.650.679	582.867.342.495			
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	5.745.620.600	18.063.025.909	17.295.515.816	27.601.760.882			
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	43.593.207.540	35.730.792.418	146.632.919.145	128.564.555.130			
Trong đó: chi phí lãi vay	23		35.812.644.567	31.390.376.975	127.628.741.856	112.918.878.256			
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.001.194.135	(1.757.539.222)	1.001.194.135	(4.117.023.379)			
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	95.316.855.550	38.955.802.977	288.969.441.786	233.300.093.832			
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	33.018.627.409	40.194.907.277	124.010.538.100	116.303.232.955			
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		43.184.181.797	33.171.622.998	137.024.461.598	128.184.198.081			
12. Thu nhập khác	31	VI.8	2.214.233.814	2.872.287.859	12.067.888.291	7.953.216.907			
13. Chi phí khác	32	VI.9	1.998.062.980	1.097.371.116	6.339.761.046	7.815.573.487			
14. Lợi nhuận khác	40		216.170.834	1.774.916.743	5.728.127.245	137.643.420			

Đơn vị tính: VND
Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này

Mã Thuyết số	CHỈ TIÊU	Quý IV/2019	Quý IV/2018	Năm 2019	Năm 2018
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.400.352.632	34.946.539.741	142.752.588.843	128.321.841.501
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	15.258.875.291	2.594.231.014	33.264.790.116	20.188.154.507
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.141.477.341	32.352.308.728	109.487.798.727	108.133.686.994
61	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	26.062.106.374	27.599.266.414	103.809.918.524	103.108.452.251
62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	2.079.370.966	4.753.042.313	5.677.880.203	5.025.234.743
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	324	292	1.221	1.443
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	324	292	1.221	1.443

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2020

Chủ tịch HĐQT



Lê Vĩnh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		142.752.588.843	128.321.841.501
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		62.348.571.114	58.635.949.599
- Các khoản dự phòng	03		1.066.231.031	580.949.050
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.308.474.031)	(333.266.510)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.869.669.754)	(19.720.826.584)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	127.628.741.856	112.918.878.256
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	196.625.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		316.617.989.059	280.600.150.312
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(403.235.795.369)	(247.208.414.304)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(49.424.112.890)	(24.323.145.419)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		57.252.786.354	224.516.500.613
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(83.537.925.467)	10.658.359.139
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(126.646.323.237)	(113.551.933.032)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(19.576.155.796)	(29.992.084.983)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	362.806.440
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.916.837.474)	(1.740.195.391)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(310.466.374.821)	99.322.043.375
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(117.222.358.860)	(209.270.958.103)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		112.125.332	2.880.249.114
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(45.809.431.950)	(123.853.148.050)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		21.145.331.950	74.970.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(9.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.093.080.458	22.175.702.746
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(138.681.253.070)	(233.098.154.293)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2019	2018
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		131.888.905.622	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.22	3.749.099.836.360	3.952.815.660.801
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.22	(3.440.926.132.962)	(3.750.704.498.754)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.22	(7.939.762.750)	(4.323.532.117)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
			-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>432.122.846.270</i>	<i>197.787.629.930</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(17.024.781.621)	64.011.519.012
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	181.020.914.065	117.082.644.677
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		127.434.222	(73.249.624)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	164.123.566.666	181.020.914.065

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến



Lê Vĩnh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa, bình năng lượng Thái dương năng, bình nóng lạnh, máy lọc nước, máy hút mùi, ống công nghiệp, ống trang trí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 12 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Thành lập Công ty con

Trong năm, Tập đoàn thành lập Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh, Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà, Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà, Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà, Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc, Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền với mục đích mở rộng quy mô sản xuất và phát triển thị trường.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất và gia công cơ khí các sản phẩm, đồ dùng bằng kim loại	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà	Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất bình Thái Dương năng	51,59%	51,59%	51,59%
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà	Lô CN07, Khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ,	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Hà Bắc Ninh	huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh				
Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	Lô CN08, Khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị nhà bếp	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Logistics Sơn Hà	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Dịch vụ vận tải	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Kinh doanh thương mại	51%	54,26%	51%
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	69%	75,74%	69%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền	Khu B, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, Nghệ An	Sản xuất, dịch vụ	100%	100%	100%
Son Ha Myanmar International Limited	No. 33/B Damaryone Street, Ward No. 15, Baukhtaw, Yankin Township, Yangon, Myanmar	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	52,5%	55,13%	52,5%
Công ty Cổ phần Sản xuất - Kinh doanh Toàn mỹ	Khu Phố Hòa Lân, Phường Thuận Giao, Thị Xã Thuận An, Bình Dương,	Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty Cổ phần Công nghệ xử lý nước và môi trường Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	60%	60%	60%

Công ty con gián tiếp

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Là Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển Sơn Hà Vinh, trụ sở tại Khu B, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, ngành nghề kinh doanh là sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn là 100%. Công ty này do Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An sở hữu 100% vốn điều lệ. Công ty con này chưa đi vào sản xuất kinh doanh.

Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung, địa chỉ lô 6, KCN Điện Nam, Điện Ngọc- Phường Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn Tỉnh Quảng Nam, ngành nghề kinh doanh sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp; tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn là 74,34%. Công ty này do Công ty Cổ phần Sản xuất – Kinh doanh Toàn Mỹ sở hữu 100% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Trường Thịnh, địa chỉ Lô CN1, cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam, kinh doanh lĩnh vực dịch vụ vận tải. Công ty này do Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà sở hữu 51% vốn.

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Công ty liên kết trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Số 8, đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Dịch vụ trò chơi trực tuyến và trò chơi điện tử; Cho thuê mặt bằng kinh doanh (trong trung tâm thương mại)	20,13%	20,13%	20,13%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Cung cấp, phân phối nước sạch	20,15%	20,15%	20,15%
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh đồ dùng gia dụng khác	30%	30%	30%

Công ty liên kết gián tiếp

Là Công ty Cổ phần PJ Mercury Việt Nam, có địa chỉ tại Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn là 41,67%. Công ty này do Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển Sơn Hà Vinh sở hữu 49% vốn. Công ty Công ty liên kết này chưa đi vào sản xuất kinh doanh.

Công ty TNHH đầu tư phát triển và Dịch vụ Thiên Sơn, có địa chỉ tại Lô CN1, cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội; tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

ích của Tập đoàn là 26,01%. Công ty này do Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Trường Thịnh sở hữu 51% vốn. Công ty này kinh doanh lĩnh vực dịch vụ vận tải.

Công ty liên doanh

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen	Lô CN1- Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.	Lắp đặt hệ thống điện (lắp đặt tấm hệ thống năng lượng mặt trời và hệ thống pin tích điện)	50%	50%	50%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất
Các số liệu tương ứng của Quý IV.2018 so sánh được với số liệu của Quý IV.2019.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.781 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 2.114 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí thuê nhà, chi phí quảng cáo. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo, thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng thuê nhà.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 25

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của phương tiện vận tải thuê tài chính là 10 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 – 08 năm.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà và quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

16. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tập đoàn đã là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tập đoàn đã đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tập đoàn đã thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	36.524.458.799	16.744.287.895
Tiền gửi ngân hàng	127.599.107.867	159.087.588.290
Tiền đang chuyển		5.189.037.880
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)		
Cộng	<u>164.123.566.666</u>	<u>181.020.914.065</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Ngắn hạn</i>	<i>89.962.580.000</i>		<i>44.153.148.050</i>	
Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	89.962.580.000		44.153.148.050	
<i>Dài hạn</i>	<i>18.870.000.000</i>		<i>5.870.000.000</i>	
Trái phiếu	18.870.000.000		5.870.000.000	
Cộng	<u>108.832.580.000</u>	<u>-</u>	<u>50.023.148.050</u>	<u>-</u>

2b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Số cuối Kỳ

Số đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư			Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư		
	Giá gốc		Cộng	Giá gốc		Cộng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	31.405.778.616	(31.405.778.616)	-	31.405.778.616	(31.405.778.616)	-
Công ty Cổ phần PJ Mercury Việt Nam	59.999.400.000		59.999.400.000	59.999.400.000		59.999.400.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	12.259.031.850	(1.031.119.517)	11.227.912.333	12.259.031.850	(1.031.119.517)	11.227.912.333
Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen	11.000.000.000		11.000.000.000	-	-	-
Cộng	114.664.210.466	(32.436.898.133)	82.227.312.333	103.664.210.466	(32.436.898.133)	71.227.312.333

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Công ty cổ phần Sơn Hà - Wegen	Công ty Cổ phần PJ Mercury Việt Nam	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Cộng
Giá trị phần sở hữu đầu năm	-	59.999.400.000	11.227.912.333	71.227.312.333
Thanh lý trong năm				-
Giảm do ngừng hợp nhất theo vốn chủ				-
Giá trị đầu tư trong năm	11.000.000.000			11.000.000.000
Lãi thanh lý công ty liên kết				-
Lãi lỗ công ty liên kết				-
Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi				-
Thủ lao HDQT, Ban kiểm soát				-
Phân loại sang đầu tư vào Công ty con				-
Cộng	11.000.000.000	59.999.400.000	11.227.912.333	82.227.312.333

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Công ty Cổ phần PJ Mercury Việt Nam hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với hiện tại.

Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen cũng đang trong quá trình đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là khoản đầu tư vào 271.000 cổ phiếu của Công ty Bất động sản Havico.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Số cuối Kỳ

Số đầu năm

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

24

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>13.398.595.063</i>	<i>21.288.586.444</i>
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	8.326.463.005	13.862.062.260
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	645.940.318	3.022.575.457
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	4.384.588.727	4.403.948.727
Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen	41.603.013	
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>1.326.195.520.221</i>	<i>1.038.078.397.905</i>
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Đại An	149.152.612.352	139.857.837.381
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng	156.644.890.533	144.412.159.501
Công ty CP XNK Xuyên Thái Bình Dương	157.640.112.031	115.477.198.883
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Phát triển Thiên Phú	85.724.113.913	
Hải Phòng Công ty TNHH Đầu tư thương mại Hiệp Đức - CN	4.025.019.551	
XK_GLOMET ALLOYS LLP	7.302.709.477	
XK_ROYAL BUSINESS (INDIA)	9.316.605.794	
XK_OBA PASLANMAZ METAL VE MALZEME SAN. TIC. LTD. STI (ISTANBUL)	8.862.303.495	
XK_AV metal group LTD	6.164.606.261	
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Thiên Thành Tâm	3.313.648.837	
Các khách hàng khác	738.048.897.977	638.331.202.140
Cộng	1.339.594.115.284	1.059.366.984.349

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối Kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng và Kinh doanh Thương Mại Công Hà		15.482.858.456
Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Và Xây Dựng Việt Úc	2.579.876.400	
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng	50.000.000.000	
XTron Air - Conditioning Manufacture (Thailand) Co., Ltd (NK)	4.121.911.789	
Công ty TNHH Thương Mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc	35.000.000.000	
NINGBO Ningshing International Inc (NK)		15.638.433.868
Công ty TNHH Đầu tư thương mại & Kiến trúc Việt	8.401.372.551	8.199.443.783
Tổng Công ty Đầu tư nước và Môi trường Việt Nam - CTCP	2.303.353.200	
Công ty CP Đầu tư và xây dựng HTĐT Tuấn Linh	297.935.374	9.235.500.000
N.A.Roto Machines & Moulds India	6.456.380.060	
Công ty CP Xây dựng Đô thị Hòa Phú		9.003.813.501

Ban thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại và xuất nhập khẩu		
Auto Car	2.506.680.000	
Các nhà cung cấp khác	26.209.289.362	35.063.501.777
Cộng	137.876.798.736	92.623.551.385

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
Cho các tổ chức và cá nhân khác vay, mượn	53.835.900.000	91.500.000.000
Cộng	53.835.900.000	91.500.000.000

Lãi suất cho vay được xác định cao hơn bình quân lãi vay ngắn hạn các Ngân hàng mà Công ty đi vay.

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối Kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	617.414.367		2.655.720	
Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen	617.414.367			
Cá nhân có liên quan khác			2.655.720	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	75.652.553.105		31.528.921.055	
Ông Lê Tiến Thành - tạm ứng	229.493.000		175.000.000	
Ông Hoàng Hào Hiệp - tạm ứng			35.280.000	
Ông Trần Việt Dũng - tạm ứng			10.000.000	
Ông Ngô Duy Sáng - tạm ứng			3.000.000.000	
Ông Lê Văn Tấn			2.016.300.000	
Bà Phạm Thị Quỳnh Hoa - Phải thu tiền chuyển nhượng công ty			2.000.000.000	
Lưu Quốc Bảo	2.994.384.000			
Dương Thị Tình - Tạm ứng	741.090.129			
Ông Nguyễn Quốc Huân	1.756.015.034			
Tạm ứng của cá nhân khác	4.296.557.738		6.383.749.035	
Ký cược, ký quỹ	7.556.257.207		6.474.051.311	
Lãi cho vay			567.050.227	
Lãi trái phiếu phải thu				
Ông Kiều Thanh Phong	536.000.000			
Ông Nguyễn Văn Thảo	536.000.000			
Ông Nguyễn Trọng Minh	35.000.000.000			
KAUNG MYAT HTAY COMPANY LIMITED	3.112.734.264			
U Htay Win	1.961.568.000			
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	16.932.453.734		10.867.490.482	
Cộng	76.269.967.472		31.531.576.775	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối Kỳ		Số đầu Kỳ	
	Số cuối Kỳ	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	3.785.756.401		871.904.885	
Lê Trần Trọng Thái	795.402.233	(795.402.233)	795.402.233	(795.402.233)
Các khoản phải thu khác			20.927.660	
Cộng	4.581.158.634	(795.402.233)	1.688.234.778	(795.402.233)

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối Kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
C ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Kim loại Việt	trên 3 năm	3.540.903.520	(3.540.903.520)	trên 3 năm	3.540.903.520	(3.540.903.520)
Công ty TNHH Inox Hùng Anh	trên 3 năm	1.891.351.348	(1.891.351.348)	trên 3 năm	1.891.351.348	(1.891.351.348)
Tổng công ty Viglacera	trên 3 năm			trên 3 năm	1.355.200.000	(1.355.200.000)
Khách hàng khác	2 năm đến dưới 3 năm	402.795.818	(140.978.536)	2 năm đến dưới 3 năm	211.397.909	(110.698.955)
Các đối tượng khác	trên 3 năm	4.061.085.986	(4.061.085.986)	trên 3 năm	3.323.796.874	(3.323.796.874)
Cộng		9.896.136.672	(9.634.319.390)		10.322.649.651	(10.221.950.697)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	10.221.950.697
Trích lập dự phòng bổ sung	767.568.693
Hoàn nhập dự phòng	(1.355.200.000)
Số cuối kỳ	9.634.319.390

8. Hàng tồn kho

	Số cuối Kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	71.240.255.319		87.107.809.215	
Nguyên liệu, vật liệu	450.834.255.745	(407.448.826)	373.175.310.351	(745.077.201)
Công cụ, dụng cụ	12.039.924.416		12.252.655.375	
Chi phí SXKD dở dang	3.829.846.673		7.846.072.936	
Thành phẩm	186.720.180.168	(1.369.772.991)	258.604.823.927	(853.012.550)
Hàng hóa	329.272.071.014		265.289.515.656	
Hàng gửi bán	135.080.982		371.313.967	
Cộng	1.054.071.614.317	(1.777.221.817)	1.004.647.501.427	(1.598.089.751)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.598.089.751	2.388.780.451
Trích lập dự phòng bổ sung	1.066.231.031	
Hoàn nhập dự phòng	(887.098.965)	(790.690.700)
Số cuối Kỳ	1.777.221.817	1.598.089.751

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	780.118.469	333.988.536
Công cụ dụng cụ	2.078.004.202	3.596.917.954
Chi phí quảng cáo	599.127.835	1.833.116.867
Chi phí thuê nhà, thuê kho, xưởng	5.170.036.984	4.247.829.870
Chi phí hàng nhập khẩu	59.052.746	1.726.322.403
Chi phí chờ kết chuyển	386.828.675	
Chi phí sửa chữa	233.421.406	583.548.028
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.410.067.854	2.865.706.357
Cộng	13.716.658.170	15.187.430.015

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	14.040.760.087	14.335.189.909
Chi phí thuê nhà, thuê kho, xưởng	928.996.203	1.084.521.415
Chi phí thuê đất	54.553.900.864	53.308.172.330
Chi phí giải phóng, san lấp mặt bằng	4.328.103.656	4.525.732.736
Chi phí xây dựng showroom	86.452.609.999	
Sửa chữa, cải tạo thiết bị, văn phòng	2.611.498.845	5.394.450.453
Chi phí quảng cáo	264.010.926	332.867.293
Chi phí đào tạo		316.839.935
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.614.580.283	1.774.873.239
Cộng	166.794.460.863	81.072.647.311

^(*) Chi phí thuê đất là quyền sử dụng 02 lô đất của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà được sử dụng để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SCSN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá	259.272.663.202	493.086.213.676	119.080.358.346	12.279.010.014	883.718.245.238
Số đầu năm	40.072.109.215	88.114.537.124	42.102.669.405	1.063.774.904	171.353.090.648
Mua trong kỳ	442.205.957				442.205.957
Đầu tư XD/CB hoàn thành	324.331.950	110.000.000	20.218.182		454.550.132
Tặng khác	(253.832.903)	(7.476.741.768)	(8.441.123.524)		(16.171.698.195)
Thanh lý, nhượng bán	(654.932.791)	(1.166.678.878)	(24.868.460.532)	(202.411.366)	(26.892.503.567)
Giảm khác do phân loại lại tài sản và chi phí trả trước			3.789.119.136		3.789.119.136
<i>Tặng khác (góp vốn)</i>			(744.143.182)		(744.143.182)
<i>Giảm khác (do góp vốn)</i>					
Số cuối kỳ	299.202.524.630	572.667.330.154	130.938.637.831	13.140.373.552	1.015.948.866.167

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	50.594.450.427	249.451.912.601	44.682.555.986	7.494.542.507	352.223.461.521
Khấu hao trong năm	12.181.666.232	40.090.804.819	11.106.760.363	1.713.932.934	65.093.184.349
Tặng khác (ghi cụ thể)	(69.679.183)	(5.303.980.327)	(4.241.847.835)	(1.166.668)	(9.618.674.013)
Thanh lý, nhượng bán			(8.582.611.202)		(8.582.611.202)
Giảm khác (do góp vốn)	(83.641.787)	(261.095.978)		(13.529.831)	(358.267.596)
Giảm khác do phân loại lại tài sản và chi phí trả trước	62.622.795.689	283.975.641.115	42.964.857.312	9.193.798.942	398.757.093.059
Số cuối năm/kỳ	208.678.212.775	243.634.301.075	74.397.802.360	4.784.467.507	531.494.783.717
Giá trị còn lại	236.579.728.941	288.691.689.039	87.973.780.519	3.946.574.609	617.191.773.108
Số cuối năm/kỳ					

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.005.988.211	11.650.027.186	17.656.015.397
Mua trong năm			
Thuê tài chính trong kỳ	16.649.663.264	16.602.240.542	33.251.903.806
Giảm khác		(741.818.182)	(741.818.182)
Số Cuối kỳ	22.655.651.475	27.510.449.546	50.166.101.021
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	211.283.421	1.938.015.488	2.149.298.909
Khấu hao trong năm	2.329.006.966	2.449.594.139	4.778.601.105
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính			
Giảm khác		(111.272.742)	(111.272.742)
Số Cuối kỳ	2.540.290.387	4.276.336.885	6.816.627.272
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.794.704.790	9.712.011.698	15.506.716.488
Số Cuối kỳ	20.115.361.088	23.234.112.661	43.349.473.749

Theo các hợp đồng thuê tài sản, Tập đoàn được quyền mua lại tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	19.094.043.597	4.482.635.678	23.576.679.275
Mua trong năm/kỳ		2.004.703.511	2.004.703.511
Số Cuối kỳ	19.094.043.597	6.487.339.189	25.581.382.786
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	4.243.738.126	3.391.478.283	7.635.216.409
Khấu hao trong năm/kỳ	539.242.944	520.153.918	1.059.396.862
Số Cuối kỳ	4.782.981.070	3.911.632.201	8.694.613.271
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	14.850.305.471	1.091.157.395	15.941.462.866
Số Cuối kỳ	14.311.062.527	2.575.706.988	16.886.769.515

13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nằm giữ chờ tăng giá

Là nhà và quyền sử dụng đất. Trong kỳ Tập đoàn không sở hữu Bất động sản đầu tư.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong Kỳ	Kết chuyển tăng Tài sản cố định	Kết chuyển giảm khác	Số cuối Kỳ
Mua sắm tài sản cố định		483.498.868			483.498.868
Xây dựng cơ bản dở dang	235.134.396.996	127.235.004.469	233.518.148.562	13.239.837.618	115.854.051.649
Dự án Bắc Cổ Nhuế - Chèm	4.750.000.000				4.750.000.000
Dự án xây dựng các Showroom	77.285.627.338	20.661.924.333	97.947.551.671		
Dự án Sơn Hà Bắc Ninh SHB+SHK	12.783.972.788	10.107.170.197	9.205.865.202	13.385.930.884	299.346.899
Dự án nước Hà Đông	135.463.519.100	38.281.733.439	124.486.365.749	(804.758.166)	50.063.644.956
Dự án Vân Côn, An Thượng	2.092.385.166	40.318.863.511			42.411.248.677
Các công trình khác- Phòng	82.981.830		82.981.830		
Các dự án khác	2.675.910.774	17.865.312.989	1.795.384.110	658.664.900	18.087.174.753
Sửa chữa lớn tài sản cố định		242.636.364			242.636.364
Cộng	235.134.396.996	127.718.503.337	233.518.148.562	13.239.837.618	116.337.550.517

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại*Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận*

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

16. Lợi thế thương mại

Là khoản lợi thế thương mại khi ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà và Công ty Cổ phần Sản xuất – Kinh doanh Toàn Mỹ. Chi tiết như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
Số đầu năm	6.126.267.483	1.375.528.056
Phát sinh trong năm		5.463.855.667
Số phân bổ trong năm	(713.116.240)	(713.116.240)
Số Cuối kỳ	<u>5.413.151.244</u>	<u>6.126.267.483</u>

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<u>5.495.820.836</u>	<u>5.447.006.387</u>
Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn	5.495.820.836	5.416.432.948
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai		30.573.439
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<u>243.374.977.006</u>	<u>245.618.962.787</u>
Công ty TNHH POSCO VST	46.483.200.556	62.814.780.436

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

	<u>Số cuối Kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Thiên Long	14.560.008.903	-
Công ty TNHH Thương mại Inox Nhật Minh	16.830.525.121	6.212.711.980
Công ty TNHH Thương Mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc	8.920.840.598	1.006.381.343
WATCH WATER GmbH (NK)	5.491.925.525	
HYOSUNG CORPORATION CHEONG-DAM (NK)	-	27.338.099.946
Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Đông	11.685.919.511	
Công ty TNHH Cơ Khí XD và Kinh doanh Thương Mại Công Hà	8.499.284.484	
Công ty TNHH Gia Anh Hưng Yên	18.014.568.810	
Công ty TNHH Cơ khí Thương mại Đại Nam	1.456.298.350	
SHANDONG LONGGUANG TIANXU SOLAR ENERGY CO.,LTD	1.101.943.855	
Các nhà cung cấp khác	110.330.461.293	148.246.989.082
Cộng	248.870.797.842	251.065.969.174

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối Kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
XK_DEPO BANGUNAN (Indonesia)	1.323.146.710	
XK_METAL INDIA CORPORATION	593.997.705	
XK_Umit Metal Demir Celik Ins. Mak. Mad. A.S (TURKEY)	575.728.160	
XK_Rose Metals (INDIA)	798.762.580	
Công ty Cổ phần Alphanam E&C	730.986.323	
Các khách hàng khác	9.771.352.045	10.322.738.826
Cộng	13.793.973.523	10.322.738.826

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

	Số đầu năm		Số phát sinh trong Kỳ		Số cuối Kỳ		
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Giảm khác (*)	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	9.163.560.862		67.160.721.072	(67.525.426.064)		8.816.081.622	17.225.739
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			134.021.746.858	(134.021.746.846)			
Thuế xuất, nhập khẩu		762.261.870	2.250.330.566	(1.843.262.095)			355.193.399
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.614.220.800	3.095.460.725	33.312.555.860	(19.576.155.796)		17.970.417.863	720.545.354
Thuế thu nhập cá nhân	980.741.470	5.212.031	7.183.980.919	(6.970.587.014)		1.327.853.916	138.930.571
Thuế tài nguyên			684.196.279	(591.698.479)		92.497.800	
Tiền thuế đất		293.169.001	2.296.874.366	(2.094.726.215)			91.020.850
Thuế bảo vệ môi trường			6.000.000	(6.000.000)			
Các loại thuế khác	6.396.485	1.000.000	85.114.930	(85.114.930)		6.396.485	1.000.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác							
	125.760.000	2.000.000	31.578.527	(157.338.527)			2.000.000
Cộng	16.890.679.617	4.159.103.627	247.033.099.377	(232.872.055.966)		28.213.247.686	1.325.915.913

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An đang được hưởng ưu đãi với thuế suất ưu đãi là 10%.

Các công ty khác trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất theo Thông báo của Cục thuế Thành phố Hà Nội với diện tích 8.793 m² đất tại lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội với mức 11.567 VND/m²; diện tích 44.800 m² tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội với mức 45.020 VND/m².

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
Tiền lương	11.951.350.975	10.189.070.807
Chi phí lãi vay phải trả	3.223.956.367	2.241.537.748
Chi phí hàng khuyến mại, trả thưởng	1.577.265.194	14.561.074.245
Chi phí dự tính hội nghị khách hàng	1.070.660.862	
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn dự án	915.381.278	1.654.391.814
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	4.381.532.335	6.523.616.555
Cộng	23.120.147.011	35.169.691.169

21. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

21a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.474.534.892	1.674.901.988
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	67.679.318	557.507.694
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	308.000.000	363.773.264
Phải trả LC UPASS - Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh	53.910.140.631	48.124.544.703

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

	<u>Số cuối Kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả LC UPASS - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	165.666.063.029	67.720.392.350
Phải trả LC UPASS - Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam -		21.856.463.635
Đặt cọc dự án nước Vân Cồn An Thượng	8.000.000.000	7.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	<u>8.137.356.781</u>	<u>9.711.616.213</u>
Cộng	<u>237.563.774.650</u>	<u>157.009.199.847</u>
21b. Phải trả dài hạn khác		
	<u>Số cuối Kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>812.296.130</i>	<i>710.330.500</i>
Nhận ký quỹ, ký cược	797.296.130	710.330.500
Phải trả dài hạn khác	<u>15.000.000</u>	
Cộng	<u>812.296.130</u>	<u>710.330.500</u>
21c. Nợ quá hạn chưa thanh toán		
Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.		
22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn		
22a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
	<u>Số cuối Kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.922.212.555.984</i>	<i>1.593.321.796.562</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.852.502.046.614	1.484.983.748.690
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ⁽ⁱ⁾	677.753.094.035	792.408.423.199
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương ⁽ⁱⁱ⁾	99.759.291.050	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức ⁽ⁱⁱⁱ⁾	564.974.264.664	433.133.628.998
Ngân hàng TMCP Việt nam Thịnh Vượng	889.591.010	29.776.509.621
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP HCM (HDBANK) ^(ix)	14.227.699.377	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong- CN Tây Hà Nội- TTKD Kim Mã ^(x)	20.020.924.870	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương ^(v)	119.963.899.304	95.236.411.249
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình ^(vi)	111.985.745.764	
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam ^(iv)		11.168.284.875
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	18.100.000.000	10.352.394.895
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đồng Đa	129.638.460.503	34.738.353.514

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

	<u>Số cuối Kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Quang Minh	29.588.553.400	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh ^(vii)	5.664.077.977	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ^(viii)	55.467.030.020	77.729.742.339
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yangon (Myanmar)	3.807.293.400	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tây Hà Nội	662.121.240	
Vay ngắn hạn các cá nhân	1.110.240.000	440.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	34.786.161.550	82.474.726.027
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	6.074.917.717	52.762.285.128
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long		1.291.040.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	5.794.155.061	9.106.960.643
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	249.778.500	2.499.714.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức (trước là Hà Tây)	17.700.000.000	3.908.520.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Ba Đình	1.162.782.272	3.238.178.256
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	3.066.528.000	2.984.028.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	738.000.000	984.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây		5.700.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương		
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	11.814.107.820	3.863.321.845
Công ty Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP ACB	1.184.604.000	
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV-Sumi Trust- CN Hà Nội	6.536.231.820	
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV NHTM CP CT VN	4.093.272.000	
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	22.000.000.000	22.000.000.000
Cộng	1.922.212.555.984	1.593.321.796.562

Các khoản vay tại Công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

- (i) Các khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2018/147831 ngày 24/07/2018 với tổng hạn mức tín dụng 780.000.000.000 VND mục đích để tài trợ vốn lưu động phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, lãi suất điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay, tài sản đảm bảo là các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ (gọi chung là các khoản bảo đảm) được giao kết trước ngày hợp đồng vay.
- (ii) Các khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT128-SONHA ngày 28 tháng 01 năm 2019 với tổng hạn mức 100.000.000.000 VND, mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty, lãi suất điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay, thời hạn vay 6 tháng, tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất và bất động sản.
- (iii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/147831 ngày 24/07/2018 với tổng hạn mức tín dụng 520.000.000.000 VND mục đích để tài trợ vốn lưu động phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, lãi suất điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay, tài sản đảm bảo là các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ (gọi chung là các khoản bảo đảm) được giao kết trước ngày hợp đồng vay.
- (iv) Các Khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng số 26136.19.086.588663.TD ngày 08 tháng 05 năm 2019 với hạn mức 100.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bên nước, chịu rửa, ống thép, lãi suất cho vay là lãi suất cố định hoặc lãi suất thả nổi, thời hạn vay 06 tháng, tài sản đảm bảo là các giấy tờ có giá và các bất động sản của công ty.
- (v) Các Khoản vay theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 180123/NHNTHD ngày 12 tháng 12 năm 2018 với hạn mức 80.000.000.000 VND, mục đích tài trợ tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhưng không bao gồm nhu cầu phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định, lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng, thời hạn vay 6 tháng, tài sản đảm bảo là các phương tiện vận tải và máy móc thiết bị của công ty.
- (ix) Khoản vay theo Hợp đồng sử dụng hạn mức tối ưu thanh khoản số 26122019/HĐTUTK-SONHA ngày 26/12/2019 và số 30122019/HĐTUTK-SONHA ngày 30/12/2019 với mức lãi suất 9,0%, thời hạn vay 6 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động
- (x) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 90/2019/HDTD/TTKD KMA/01 ngày 27/06/2019 hạn mức 10.000.000.000 VNĐ, mục đích bổ sung vốn lưu động, mở LC trả chậm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các khoản vay tại Công ty TNHH Một thành viên SSP Việt Nam

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/7989546/HDTD với tổng hạn mức là 230.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng, mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C/. Lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân.
- (iii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/7989546/HDTD với tổng hạn mức là 100.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng, mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C/. Lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 0502/2017/HĐHMTD/PVB-KHDN-CNBN ngày 06 tháng 3 năm 2017 với hạn mức vay tối đa 180.000.000.000 VND hoặc 10.000.000 USD để bổ sung vốn lưu động, khoản vay được đảm bảo bằng nguyên vật liệu tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

- (vi) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 19270.18.058.2475643.TD với hạn mức cho vay là 120.000.000.000 VND, thời hạn của mỗi khoản tín dụng trong hạn mức không vượt quá 6 tháng, mục đích để phục vụ lĩnh vực sản xuất kinh doanh ống thép Inox. Lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được bảo đảm bằng hàng tồn kho luân chuyển và hàng hóa là nguyên vật liệu hình thành từ dự án.

Các khoản vay tại Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An

- (ii) Khoản vay tín chấp Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/7696459/HĐTD ngày 01 tháng 8 năm 2017 với hạn mức 50.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C với lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2018.

Khoản vay tại Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà

- (iii) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoài Đức

Khoản vay tại Công ty Cổ phần Sản xuất - Kinh doanh Toàn Mỹ

- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng cấp tín dụng số 078K16 ngày 05 tháng 12 năm 2016 để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại nhà xưởng Bình Dương 1 và Bình Dương 2; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Khu biệt thự Vĩnh Phú theo các Hợp đồng thế chấp số 036TT12 và 035TT12 ngày 07 tháng 2 năm 2012.

- (v) Khoản vay theo hợp đồng cho vay hạn mức Số 01/HĐCVHM/NHCT440-TOANMY, hạn mức vay 15.000.000.000 với thời hạn duy trì từ 03/05/2019 đến 03/05/2020. Tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số 01/2018/HĐTC-NHCT440-TOANMYMT ngày 16/04/2018 gồm tài sản gắn liền với đất tại Lô 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, giá trị còn lại là 310.982.195 VND. Tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số 02/2018/HĐTC-NHCT440-TOANMYMT ngày 16/04/2018 gồm phương tiện vận tải, giá trị còn lại là 407.367.171 VND

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

22b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>275.462.117.736</i>	<i>304.118.936.510</i>
Vay dài hạn ngân hàng	222.995.094.733	251.321.707.547
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương ⁽ⁱ⁾		5.780.939.530
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoài Đức (trước là Chi nhánh Hà Tây) ⁽ⁱⁱ⁾	35.697.990.779	47.697.990.779
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi	102.560.265.697	109.334.817.258

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

	<u>Số cuối Kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
nhánh Thanh Xuân ^(iv)		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương ^(v)	145.932.600	506.178.500
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ^(vi)	54.020.953.879	59.720.953.879
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung ^(vii)	28.109.951.778	25.082.827.601
Ngân Hàng TMCP Quân đội - CN Ba Đình ⁽ⁱⁱⁱ⁾		-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An ^(viii)	2.460.000.000	3.198.000.000
Nợ thuê tài chính	30.860.273.003	9.387.103.963
Công ty Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP ACB	627.338.000	1.811.941.988
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV NHTM CP CT VN	7.719.014.000	5.716.944.000
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV-Sumi Trust-CN Hà Nội	22.513.921.003	1.858.217.975
Trái phiếu thường dài hạn^(ix)	21.606.750.000	43.410.125.000
Cộng	275.462.117.736	304.118.936.510

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

(i) Khoản vay theo các hợp đồng tín dụng trong năm 2015 với tổng hạn mức là 54.100.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng, mục đích để đầu tư Dự án đầu tư dây chuyền chậu rửa cao cấp và Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất sản phẩm bình nước nóng, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được bảo đảm bằng việc thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án.

(ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo theo hợp đồng tín dụng số 02/2014/147831/HĐTD ngày 20 tháng 5 năm 2014, số tiền vay là 15.000.000.000 VND bao gồm cả VND và ngoại tệ với mục đích đầu tư máy móc thiết bị sản xuất Inox và phương tiện vận tải. Thời hạn vay là 60 tháng, ân hạn gốc vay đến ngày 25 tháng 12 năm 2014, lãi suất vay VND là 12%, USD là 6,5% và được điều chỉnh mỗi quý một lần.

(iv) Khoản vay theo các hợp đồng tín dụng trong năm 2014 với mục đích đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân, thế chấp bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

(v) Khoản vay theo các hợp đồng tín dụng trong năm 2015 với mục đích mua sắm phương tiện vận tải, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân và thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(vi) Ngoại thương Hà tây: Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư 85/17/KHDN/TĐN/VCBHT-SH ngày 29 tháng 8 năm 2017 mục đích thực hiện dự án Xây dựng trạm xử lý nước Dương Nội,

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

quận Hà Đông, công suất 30.000 m³/ngày, dư nợ vay tối đa là 100.000.000.000 VND, thời hạn vay: 15 năm, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trong tương lai từ dự án trạm xử lý nước Dương Nội có công suất 30.000 m³/ngày và các hạng mục có liên quan thuộc dự án Xây dựng Trạm xử lý nước Dương Nội, quận Hà Đông.

(vii) Khoản vay theo HĐ số 62/2017-HDDCVDDADD/T/NHCT324-SONHA ngày 29/12/2017 mục đích thanh toán các chi phí để thực hiện phương án hợp tác kinh doanh số 876/2017/HĐHTKD-NHĐ-SONHA ngày 02/08/2017 giữa công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông và công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà để thực hiện dự án đầu tư “Xây dựng mạng lưới cấp nước liên xã Vân Côn- An Thượng, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội”, dư nợ vay tối đa là 57.513.000.000 VND và không vượt quá 62.5% tổng mức đầu tư của dự án (bao gồm VAT), thời hạn vay: 144 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản phát sinh từ dự án “Xây dựng mạng lưới cấp nước liên xã Vân Côn- An Thượng, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội” mà Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông và Công ty CP Quốc tế Sơn Hà Hợp tác đầu tư.

(ix) Trái phiếu thường và có đảm bảo được phát hành cho Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với kỳ hạn 5 năm, mệnh giá 110.000.000.000 VND. Lãi suất cho kỳ tính lãi đầu tiên là 9,8%/năm, cho các kỳ tính lãi tiếp theo là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau bằng VND kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Sở Giao dịch cộng với 3,15%/năm. Mục đích phát hành là để thực hiện xây dựng nhà máy Sơn Hà Nghệ An và dự án thi công các Showroom của Công ty.

Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất; máy móc thiết bị và phương tiện vận tải thuộc Dự án Xây dựng Nhà máy Sơn Hà Nghệ An; 2.525.000 Cổ phiếu SHI của Ông Lê Vĩnh Sơn, 2.175.000 Cổ phiếu SHI của Ông Lê Hoàng Hà.

Khoản vay tại Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam

- (iv) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 18024.16.058.2475643.TD, mục đích để đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải mới phục vụ 100% nhu cầu đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay đối với phương tiện vận tải là tối đa 60 tháng, đối với máy móc thiết bị là tối đa 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân..
- (iii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/2017/7989546/HĐTD, thời hạn 60 tháng, mục đích để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ dự án "Dự án đầu tư tăng cường năng lực sản xuất" tại nhà máy. Lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản có giá trị còn lại tại ngày 30/06/2019 là 14.301.007.758 VND.

Khoản vay tại Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoài Đức để đầu tư nhà máy sản xuất thiết bị gia dụng tại khu công nghiệp, đô thị Thuận Thành II, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, với lãi suất 10%/năm áp dụng từ thời điểm giải ngân đến ngày 31/3/2017 và các kỳ tiếp theo áp dụng lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

hoàn trả theo lịch trả nợ, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 6 năm 2017. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (công trình nhà xưởng của công ty).

Khoản vay tại Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị nhà bếp Sơn Hà

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoài Đức để đầu tư nhà máy sản xuất thiết bị gia dụng tại khu công nghiệp, đô thị Thuận Thành II, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, với lãi suất 10%/năm áp dụng từ thời điểm giải ngân đến ngày 31/3/2017 và các kỳ tiếp theo áp dụng lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả theo lịch trả nợ, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 6 năm 2017. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc tài sản hình thành từ vốn vay (công trình nhà xưởng của công ty).

Khoản vay tại Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Toàn Mỹ

- (viii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Nghệ An theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐCVĐADT/NHCCT440-TOANMY ngày 30/01/2018 để phục vụ thanh toán các chi phí cho dự án Cải tạo và xây dựng xưởng sản xuất, nhà ăn, mua máy móc thiết bị của nhà máy Toàn Mỹ, thời gian vay 60 tháng, tài sản đảm bảo là toàn bộ máy móc thiết bị hình thành tài sản trong tương lai của Nhà máy.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

22c. *Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán*

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ Khen thưởng	Quỹ Phúc lợi	Cộng
Số đầu năm	13.903.869.097		13.903.869.097
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	2.103.919.045	969.855.363	3.073.774.408
Tăng khác			
Chi quỹ	(2.180.260.903)		(2.180.260.903)
Số Cuối kỳ	13.827.527.239	969.855.363	14.797.382.602

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến lãi/lỗ chưa thực hiện của giao dịch nội bộ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

25. *Vốn chủ sở hữu*

25a. *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Chênh lệch tỷ giá khi góp vốn tại SHIM	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Cộng
Số dư đầu năm	853.873.370.000	(47.771.902.648)	35.159.000.000	(4.186.322.972)	27.222.553.561	199.168.744.159	52.804.570.854			1.116.270.012.954
Trái cổ tức bằng cổ phiếu	17.008.440.000					(17.008.440.000)				
Góp vốn trong năm						103.809.918.524	131.888.905.622			131.888.905.622
Lợi nhuận trong năm nay					7.217.591.658	(9.279.760.703)	(721.510.912)			109.487.798.727
Trích lập các quỹ					1.359.611.120	(1.874.913.138)			277.034.318	(2.783.679.937)
Trích lập các quỹ Công ty con						(68.034.781.600)	(7.443.500.000)			(238.267.700)
Chia cổ tức, lợi nhuận										(75.498.281.600)
Thương bằng cổ phiếu quỹ										
Phát hành cổ phiếu để đầu tư công ty con										
Thù lao hội đồng quản trị										
Thù lao hội đồng quản trị con										
Tăng vốn bằng lợi nhuận tạo công ty con										
Giảm khác		(135.000.000)								(451.212.000)
Tăng khác					511.339.763				1.961.568.000	(169.000.000)
Số dư cuối kỳ	870.881.810.000	(47.906.902.648)	35.159.000.000	(4.186.322.972)	36.311.096.102	206.210.775.689	182.136.125.320	1.961.568.000	277.034.318	1.280.844.183.809

Báo tài chính này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

25b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số Cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Lê Vĩnh Sơn	139.122.790.000	136.394.900.000
Ông Lê Hoàng Hà	16.227.920.000	85.285.220.000
Các cổ đông khác	715.531.100.000	632.193.250.000
Cộng	870.881.810.000	853.873.370.000

25c. Cổ phiếu

	Số Cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	87.088.181	85.387.337
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	87.088.181	85.068.477
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	318.860	318.860
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	86.769.321	85.068.477

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

25d. Phân phối lợi nhuận

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1. Tổng doanh thu**

	Quý IV.2019	Quý IV.2018
Doanh thu bán hàng hóa	921.656.408.908	555.181.576.385
Doanh thu bán thành phẩm	483.287.854.492	624.311.489.436
Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.102.889.918	15.199.260.499
Doanh thu khác	123.966.456	
Cộng	1.450.171.119.773	1.194.692.326.320

27. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý IV.2019	Quý IV.2018
Chiết khấu thương mại	53.134.685.361	48.868.901.762
Hàng bán bị trả lại	12.277.830.340	4.432.315.058
Giảm giá hàng bán	140.147.806	1.317.559.556
Cộng	65.552.663.507	54.618.776.376

28. Giá vốn hàng bán

	Quý IV.2019	Quý IV.2018
Giá vốn của hàng hóa đã bán	750.589.641.053	455.288.889.856
Giá vốn của thành phẩm đã bán	382.743.175.961	547.385.174.502
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	42.919.581.691	6.194.285.778
Dự phòng/(Hoàn nhập)giảm giá hàng tồn kho		(542.439.175)
Cộng	1.176.252.398.705	1.008.325.910.961

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV.2019	Quý IV.2018
Lãi tiền gửi	2.053.662.508	583.056.819
Lãi tiền cho vay	572.538.888	2.114.661.777
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.152.248.851	1.058.350.837
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	79.418.378	19.017.542
		13.886.988.541
Doanh thu tài chính khác	1.887.751.975	400.950.393
Cộng	5.745.620.600	18.063.025.909

30. Chi phí tài chính

	Quý IV.2019	Quý IV.2018
Chi phí lãi vay	35.812.644.567	31.390.376.975
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	203.247.498	3.393.060.464
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.641.670	
Dự phòng	405.207.466	
Chiết khấu thanh toán	2.063.132.460	2.110.832
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu		158.739.474
Chi phí tài chính khác	5.105.333.879	786.504.673
Cộng	43.593.207.540	35.730.792.418

31. Chi phí bán hàng

	Quý IV.2019	Quý IV.2018
Chi phí cho nhân viên	40.537.459.214	28.119.015.659
Chi phí vật liệu, bao bì	1.309.456.657	2.276.941.929
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.242.726.316	919.250.632
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.948.975.299	754.128.159
Chi phí bảo hành	4.154.921.809	4.781.707.657
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.911.289.286	
Các chi phí khác	11.212.026.968	2.104.758.941
Cộng	95.316.855.550	38.955.802.977

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý IV.2019	Quý IV.2018
Chi phí cho nhân viên	19.680.944.172	14.152.612.869
Chi phí vật liệu quản lý	532.275.667	123.943.960
Chi phí đồ dùng văn phòng	414.539.480	1.758.964.149
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.498.864.261	1.919.685.139
Thuế, phí và lệ phí	2.205.834.570	81.810.864
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	(1.355.200.000)	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.067.084.787	2.695.851.444
Các chi phí khác	2.974.284.473	19.462.038.852
Cộng	33.018.627.409	40.194.907.277

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

33. Thu nhập khác

	<u>Quý IV.2019</u>	<u>Quý IV.2018</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư		1.358.338.831
Thu phạt	702.951.237	431.165.299
Xử lý công nợ		694.360.154
Thu nhập khác	1.511.282.577	388.423.575
Cộng	<u><u>2.214.233.814</u></u>	<u><u>2.872.287.859</u></u>

34. Chi phí khác

	<u>Quý IV.2019</u>	<u>Quý IV.2018</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.000.003.412	238.688.250
Chi phí thiệt hại do bão		366.753.084
Chi phí khác	998.059.568	491.929.782
Cộng	<u><u>1.998.062.980</u></u>	<u><u>1.097.371.116</u></u>

35. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Quý IV.2019</u>	<u>Quý IV.2018</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	28.141.477.341	32.352.308.728
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Thù lao hội đồng quản trị		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	28.141.477.341	32.352.308.728
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	86.769.321	85.387.337
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u><u>324</u></u>	<u><u>378</u></u>

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	<u>Quý IV.2019</u>	<u>Quý IV.2018</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	86.769.321	85.387.337
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ tái phát hành		
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2017		
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2018		
Ảnh hưởng của việc hoán đổi cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u><u>86.769.321</u></u>	<u><u>85.387.337</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành:

Cam kết bảo lãnh

Ông Lê Vĩnh Sơn và ông Lê Hoàng Hà dùng lần lượt 2.325.000 và 2.175.000 cổ phiếu SHI thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty theo hợp đồng đặt mua trái phiếu ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân (xem thuyết minh số V.22).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.6.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác, gồm

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	Công ty con của Sơn Hà Sài Gòn
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Dịch vụ Sakura	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Sản xuất Đầu tư và Phát triển Hoàng Hà	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh hàng gia dụng.
- Lĩnh vực kinh doanh hàng công nghiệp.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam.

Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận chi có trên lãnh thổ Việt Nam.

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2020

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến



Lê Vĩnh Sơn